

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2022/HS-ST  
Ngày: 06-9-2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Phương**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: **Vương Đình Hoàng**

2. Ông: **Lò Văn Ngắm**

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Tuấn Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 9 năm 2022, TAND huyện M, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử trực tuyến (*Điểm cầu trung tâm tại trụ sở TAND huyện M; Điểm cầu thành phần, 01 điểm cầu tại trụ sở Công an huyện M*) công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 69/2022/TLST-HS, ngày 04 tháng 8 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-HS, ngày 24/8/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Quàng Văn T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1992, nơi sinh: huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản X, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông nghiệp; Trình độ văn hoá: 9/12; Bố đẻ: Quàng Văn T1, sinh năm 1965 và mẹ đẻ Lò Thị H, sinh năm 1971; Gia đình bị cáo có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án: 01 tiền án ngày 16/12/2020 bị TAND huyện M xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 19/2020/HSST, ngày 23/12/2021 chấp hành xong hình phạt tù (*chưa được xóa án tích*); Tiền sự: Không; Nhân thân: Đã bị kết án; chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2022. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, bị cáo Quàng Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Quàng Văn T bị kết án tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích. Khoảng 08 giờ ngày 21/4/2022 T đi bộ đến nhà người đàn ông tên P trú cùng bản X, xã B, huyện M hỏi mua ma túy để sử dụng. Khi đến cổng nhà P, qua trao đổi, bị can mua được 01 gói Heroine được gói bằng mảnh nilon màu xanh với giá 50.000 đồng. Mua được Heroine bị can mang về nhà để trên mặt loa thùng trong phòng ngủ của mình. Đến 09 giờ 40 phút cùng ngày, bị can đang chuẩn bị sử dụng Heroine thì có tổ công tác Công an xã B đến, yêu cầu nếu có ma túy thì giao nộp, bị can đã tự giác lấy gói Heroine có khối lượng 0,09 gam để trên mặt loa thùng ra giao nộp cho tổ công tác.

Theo biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định ngày 21/4/2022 của Công an huyện M và Kết luận giám định số 580/KL-KTHS, ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Quảng Văn T là 0,09 gam
- Mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Quảng Văn T gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine.

Tại bản cáo trạng số: 47/CT-VKSMA ngày 02/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện M, tỉnh Điện Biên đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện M để xét xử bị cáo Quảng Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt Quảng Văn T từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 04 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**Về vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu để tiêu hủy: 0,06 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định.

**Án phí:** Bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo.

Bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của VKSND huyện M, bị cáo không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Nội dung vụ án:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Quảng Văn T đã khai và công nhận: Hồi 09 giờ 40 phút ngày 21/4/2022, tại nhà ở của mình thuộc bản Búng, xã Búng Lao, huyện M, tỉnh Điện Biên bị cáo bị bắt vì đang tàng trữ trái phép 0,09 gam Heroine, mục đích của bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 47/CT-VKSMA, ngày 02/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Bị cáo đã bị kết án tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ngày 23/12/2021 chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích, bị cáo lại tàng trữ trái phép 0,09 gam Heroine. Vì vậy có đủ căn cứ buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 BLHS.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 249 BLHS quy định: *“Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

a) ... đã bị kết án về tội này..., chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;”

[2] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội có mức cao nhất của khung hình phạt đến 5 năm tù, được quy định tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[3] Xét về hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra: Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, đã tiếp tay cho các loại tội phạm gia tăng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn, cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được bố mẹ sinh ra và lớn lên tại huyện M, tỉnh Điện Biên, bị cáo học hết lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Ngày 16/12/2020 bị TAND huyện M xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 19/2020/HSST, ngày 23/12/2021 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích. Bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo nhận thức rõ việc tàng trữ, mua bán ma túy là vi phạm pháp luật, bị cáo vẫn cố ý mua và tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích để sử dụng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo; tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, khi bị kiểm tra bị cáo đã tự giác giao nộp ma túy cho tổ công tác, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 cho bị cáo. Bị cáo không phạm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của BLHS năm 2015.

Bị cáo với nghề nghiệp làm nông nghiệp, ngoài ra không có thu nhập nào khác, gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Đối với người đàn ông tên Piêng, bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo. Qua xác minh Lương Văn P không có mặt tại địa phương, chính quyền và gia đình không biết hiện nay Piêng đang ở đâu, nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ sau.

[6] Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu để tiêu hủy 0,06 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định.

[7] Án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí HSST cho bị cáo.

[8] Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Quyết định truy tố của VKSND huyện M; ý kiến của vị đại diện VKS, ý kiến của bị cáo qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử thấy phù hợp với nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[10] Trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Quảng Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Quảng Văn T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 21/4/2022)

**2. Vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu để tiêu hủy 0,06 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án sau khi lấy mẫu giám định. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện M và Chi Cục thi hành án dân sự huyện M lập ngày 02/8/2022).*

**3. Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

**4. Quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Điện Biên
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.
- VKSND h.M
- Công an h.M
- Chi cục THADS h.M
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Phương**